

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày 04/9/2025

V/v: “*Ly hôn; tranh chấp con
chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên
tòa:** Bà Niê Đoàn Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc: ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chu Thị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng – có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Ngô T1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn bà Chu Thị T trình bày: Bà Chu Thị T và ông Ngô T1, C sống với nhau vào năm 2016, đến ngày 03/02/2020 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường H, thành phố H), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc, sau này thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau, ông T1 hay có hành vi bạo lực gia đình. Hiện nay, bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên bà T xin ly hôn với ông Ngô T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung là Ngô Thị Tường V, sinh ngày 18/7/2017 hiện nay đang ở với bà T nên bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom cháu Ngô Thị Tường V, sinh ngày 18/7/2017 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà T xin chịu án phí ly hôn theo quy định.

- Tại bản trình bày ý kiến xin vắng mặt ông Ngô T1 nêu quan điểm: Về hôn nhân ông đồng ý ly hôn với bà Chu Thị T; Về con chung ông đồng ý giao con chung Ngô Thị Tường V, sinh ngày 18/7/2017 cho bà Chu Thị T được quyền nuôi dưỡng con chung; Về tài sản chung và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: bà Chu Thị T được ly hôn với ông Ngô Tịt .

Về con chung: Giao con chung Ngô Thị Tường V, sinh ngày 18/7/2017 cho bà Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Bà Chu Thị T phải nộp án phí DSST về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào đơn khởi kiện Tòa án đã triệu tập các đương sự trong vụ án lên Tòa án giải quyết nhưng phía bị đơn không hợp tác, không lên Tòa án giải quyết nên Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự; thông báo kết quả về phiên hòa giải theo quy định nên Tòa án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà Chu Thị T và ông Ngô T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn xét xử vắng mặt bà Chu Thị T và ông Ngô T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Ngô T1, cư trú Thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Nội dung tranh chấp và quan hệ pháp luật:* Bà Chu Thị T và ông Ngô T1 C sống với nhau từ năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường H, Thành phố H) ngày 03/02/2020 và có 01 con chung là cháu Ngô Thị Tường V, sinh ngày 18/7/2017. Do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và nuôi con chung. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nhận định của Hội đồng xét xử về nội dung vụ án:

[1]. Về hôn nhân: Bà Chu Thị T và ông Ngô T1 đến chung sống với nhau từ năm 2016 và đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường H, Thành phố H) ngày 03/02/2020 là có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Chu Thị T và ông Ngô T1 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Qua trình bày của bà T và ông T1 đã có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T1 đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm ra được tiếng nói chung. Điều này cho thấy: “Tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được” nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3]. Về con chung: Bà T và ông T1 có con chung là cháu Ngô Thị Tường V, sinh ngày 18/7/2017. Lời trình bày của các đương sự và của cháu V thể hiện đồng ý giao cháu V cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom và giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành là phù hợp, đảm bảo quy định của pháp luật.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Chu Thị T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Chu Thị T được ly hôn ông Ngô Tịt .

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Tường V, sinh ngày 18/7/2017 cho bà Chu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí DSST: Buộc bà Chu Thị T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000150 ngày 10/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 8 – Lâm Đồng;
- UBND phường Hóa Châu, TP. Huế
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân

